TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ứng Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Yến

2. Ông Nguyễn Hoàng Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Ngoãn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2026/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị C, sinh năm 1998, địa chỉ: Bản S, xã G, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Mùa A T, sinh năm 1997, địa chỉ: Bản S, xã G, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/3/2026 nguyên đơn chị Vàng Thị C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Mùa A T kết hôn với nhau ngày 15/3/2019 tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện P, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Sơn La). Khi kết hôn, anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, anh T hành hạ, đánh đập chị C. Chị C và anh T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2026 đến nay. Nay chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mùa A T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị C đề nghị được miễn toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La, ông Sồng A Ư, trưởng bản S, xã G, tỉnh Sơn La, xác nhận: Anh T và chị C kết hôn năm 2019 và đăng ký thường trú tại bản S, xã G, tỉnh Sơn La. Hiện nay anh T đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên về thăm nhà. Khi phát sinh mâu thuẫn, anh chị không yêu cầu chính quyền địa phương hoà giải nên ông không biết được nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể; hiện nay chị C bỏ về nhà bố mẹ chị C, chưa có con chung và tài sản chung.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La, với ông Mùa A C và bà Hờ Thị L là bố mẹ của anh Mùa A T, xác nhận: Anh T đăng ký thường trú tại bản S, xã G, tỉnh Sơn La. Hiện nay anh T đang đi làm ăn xa, không biết địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng anh T vẫn về thăm nhà và gọi điện thoại về cho gia đình thường xuyên. Sau khi kết hôn anh được một thời gian thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chưa có con chung từ đó anh T hay uống rượu say rồi chửi bới chị C, gia đình có khuyên can nhiều lần nhưng không thành và chưa được cở sở bản hòa giải lần nào. Hai vợ chồng chưa có con chung, tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Mùa A T đăng ký thường trú nhưng không có mặt thường xuyên tại bản S, xã G, tỉnh Sơn La. Anh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La nhưng cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn, sau khi thụ lý vụ án bị đơn đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án và được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Toà án áp dụng khoản 3 Điều

228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vàng Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vàng Thị C được ly hôn anh Mùa A T.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Vàng Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vàng Thị C khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật là "ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Mùa A T cư trú tại bản S, xã G, tỉnh Sơn La. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

Bị đơn Mùa A T đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Mùa A T đã cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập của Toà án. Toà án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương về việc tống đạt văn bản tố tụng của Toà án đối với anh Mùa A T. Gia đình và chính quyền địa phương xác nhận có nhận được các văn bản tổ tụng của Toà án, đã thông báo, giải thích, động viên, thuyết phục để anh Mùa A T chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Anh Mùa A T biết chị Vàng Thị C khởi kiện ly hôn nhưng cố tình không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Chứng tỏ anh Mùa A T đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị C và anh Mùa A T đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2019. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La

(nay là Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Sơn La). Do đó quan hệ hôn nhân của chị Vàng Thị C và anh Mùa A T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, anh T hành hạ, đánh đập chị C. Hai anh, chị sống ly thân từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Lời khai của chị Vàng Thị C là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Nay chị Vàng Thị C xác định không còn tình cảm với anh Mùa A T và yêu cầu ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh Mùa A T nhiều lần nhằm mục đích hòa giải cho vợ chồng anh, chị đoàn tụ nhưng anh T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng minh rằng anh Mùa A T không còn tình cảm với chị Vàng Thị C. Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân của hai anh, chị thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vàng Thị C là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vàng Thị C là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn do đó căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Vàng Thị C.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vàng Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vàng Thị C được ly hôn anh Mùa A T.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Vàng Thị C

5. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 - Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 – Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND xã G, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ứng Văn Cường